

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/DS-PT

Ngày: 12/01/2021

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Đạt

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 218/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 569/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị O, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Minh C, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019.

- Bị đơn: Lê Hữu T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Võ Trọng K - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – VPLS Võ Trọng K. (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lê Minh C, sinh năm 1967; (có mặt)

2. Lê Minh K, sinh năm 1986; (xin vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Minh C, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2020.

3. Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1962; (có mặt)

4. Lê Thị Phương N1, sinh năm 1996; (xin vắng mặt)

5. Nguyễn Minh P, sinh năm 1999; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật: Lê Văn M - Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: ÔX, Khu X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Lê Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Thúy N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – bà Lê Thị O, có người đại diện theo ủy quyền – ông Lê Minh C trình bày:

Bà Lê Thị O là chủ sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 295,3m² thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01665 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/6/2011 cho bà Lê Thị O. Phần đất tọa lạc Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất của cha mẹ để lại. Trước đây phần đất của của bà O là đất gò, còn đất của ông T là đất ruộng, giữa đất của bà O và ông T có một bờ ranh, tuy nhiên do ông T đổ đất đã lấp toàn bộ bờ ranh. Trong quá trình dụng đất, ông Lê Hữu T ngang nhiên xây dựng nhà lấn qua phần đất của bà O. Nay bà Lê Thị O yêu cầu ông Lê Hữu T tháo dỡ các công trình trên đất trả lại phần đất lấn chiếm với diện tích là 15m². Nếu ông T muốn xây cất trên phần đất đó thì phải trả cho bà O giá trị phần đất theo giá thị trường.

Ngày 03/4/2019, bà Lê Thị O thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Bà O yêu cầu ông Lê Hữu T phải tháo dỡ các công trình trên đất trả lại phần đất lấn chiếm là 8,2m² và yêu cầu chị Lê Thị Phương N1 phải tháo dỡ các công trình trên đất trả lại phần đất lấn chiếm là 2,2m² theo sơ đồ đo đạc ngày 02/4/2019. Phần đất tranh chấp tọa lạc tại Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Thúy N, bà O không đồng ý vì phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của bà O nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn – ông Lê Hữu T trình bày:

Ông là anh chồng của bà Lê Thị O, là anh ruột của ông C. Hiện tại, ông T và bà Nguyễn Thị Thúy N là chủ sử dụng phần đất diện tích 199,4m², thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 01 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/6/2011. Phần đất tọa lạc Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là của cha mẹ cho. Ngày 30/3/2017, vợ chồng ông T đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái tên Lê Thị Phương N1 một phần đất thuộc thửa đất số 36 với diện tích 85,6m² và chị N1 đã được đứng tên giấy đất vào ngày 30/3/2017 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS21168, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy.

Trước đây, ranh đất của ông và bà O được xác định là trụ xi-măng ở phía Nam, hiện nay vẫn còn. Còn giáp ranh phía trước không có cắm trụ. Năm 2010 khi tiến hành đo đạc lại, ông T cùng cha ông T là cụ Lê Văn On (mất năm 2018) và anh Lê Thanh Hùng - sinh năm 1974; cùng ngụ Ấp H, xã H đã cắm cột trụ mốc ranh giữa đất của ông T và đất bà O. Khi xây dựng nhà, ông cũng xây theo cột mốc ranh trên. Hiện tại phần đất đang tranh chấp, ông T đã làm rào kiên cố; ông T đang quản lý phần đất diện tích 8,2m² và phần đất 2,2m² do con gái ông T là chị Lê Thị Phương N1 đang quản lý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà O, ông T không đồng ý vì phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của vợ chồng ông T. Nay ông T và bà N có yêu cầu phản tố như sau: Ông T và bà N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD762135, vào sổ cấp GCN 01665 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/6/2011 cho bà Lê Thị O đối với phần đất tranh chấp; đồng thời công nhận toàn bộ phần đất đang tranh chấp có diện tích là 10,4m² (tính từ cột mốc ranh đến tường nhà là 1,4m) tọa lạc Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của ông T và bà N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Minh C trình bày:* Ông là chồng của bà O, là em ruột của ông T. Ông C thống nhất với nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của bà O.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lê Minh K trình bày:* Anh là con của bà O và ông C. Anh thống nhất với nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của bà O. Do bận đi làm nên anh đề nghị Tòa án cho anh K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Thúy N trình bày:* Bà là vợ của ông T. Bà thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu phản tố của ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị Phương N1, anh Nguyễn Minh P không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:* Tại Công văn số 1229/UBND-NC ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang thể hiện ý kiến: Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD762135, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01665 do Ủy ban

nhân dân huyện C cấp ngày 01/6/2011 cho bà Lê Thị O là đúng quy định pháp luật. Do bận công tác nên đại diện Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong vụ án giữa bà O và ông T.

- *Người làm chứng – bà Lê Thị Tuyết V và bà Ngô Thụy M trình bày:* Bà V là chị ruột của ông T, ông C. Bà M là em dâu của ông T, ông C và là chị em bạn dâu của bà O. Giữa người làm chứng với các đương sự không có mâu thuẫn. Bà V và Bà M khai rằng phần đất mà nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ các bà để lại; phần đất tranh chấp cha các bà dùng để làm đường đi cho các anh em trong gia đình, không phải là đất của nguyên đơn và bị đơn. Do bận việc nên người làm chứng đề nghị cho vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người làm chứng – ông Lê Văn M1, ông Lê Văn M2, ông Lê Thanh X trình bày:* Ông M1, ông M2, ông T và ông C là anh em ruột. Giữa những người làm chứng với nguyên đơn và bị đơn không có mâu thuẫn. Những người làm chứng khai rằng phần đất mà nguyên đơn và bị đơn đang tranh chấp có nguồn gốc của cha ông C, ông T chết để lại; phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông T, ông T không lấn đất của ông C và bà O. Do bận việc nên người làm chứng đề nghị cho vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 218/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 34, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị O đối với ông Lê Hữu T và chị Lê Thị Phương N1.

- Phần đất tranh chấp có diện tích là 10,4m² thuộc quyền sử dụng đất của bà Lê Thị O.

- Ông Lê Hữu T được quyền sử dụng phần đất diện tích 8,2m² thuộc một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01665 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/6/2011 cho bà Lê Thị O. Phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 110;
- Nam giáp thửa 44;
- Đông giáp thửa 35;
- Tây giáp phần đất tranh chấp.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Chị Lê Thị Phương N1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 2,2m² là một phần thửa đất số 44, tờ bản đồ số 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01665 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/6/2011 cho bà Lê Thị O. Phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 111;
- Nam giáp thửa 44;
- Đông giáp phần đất tranh chấp;
- Tây giáp đường bê-tông.

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

- Buộc ông Lê Hữu T có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị O giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 8,2m² là 4.100.000 đồng (Bốn triệu một trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc chị Lê Thị Phương N1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị O giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 2,2m² là 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Lê Hữu T, chị Lê Thị Phương N1 và bà Lê Thị O có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Hữu T, bà Nguyễn Thị Thúy N đối với bà Lê Thị O.

3. Ông Lê Hữu T và chị Lê Thị Phương N1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Lê Thị O chi phí đo đạc, định giá là 6.247.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/8/2020, bị đơn – Lê Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Nguyễn Thị Thúy N cùng có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Lê Hữu T phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nguồn gốc sử dụng đất và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị O. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Nhận thấy, bản án sơ thẩm có vi phạm tố tụng về thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai. Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị O với ông Lê Hữu T và chị Lê Thị Phương N1 chưa được cấp xã hòa giải theo Điều 202 Luật đất đai năm 2013.

Tòa án sơ thẩm xác định tư cách chị Lê Thị Phương N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, mà cần xác định chị N1 là bị đơn trong vụ án theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định tư cách bà Nguyễn Thị Thúy N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không phải là bị đơn có quyền phản tố là không phù hợp quy định tại Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị O ngày 05/7/2018 (BL 01), bà O khởi kiện ông Lê Hữu T tranh chấp quyền sử dụng 15m² đất. Bà O nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0014832 ngày 10/7/2018 (BL 03). Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 11/7/2018 (BL 98). Đến ngày 03/4/2019 bà Lê Thị O có đơn khởi kiện bổ sung đối với ông Lê Hữu T và chị Lê Thị Phương N1 tranh chấp quyền sử dụng đất. Theo đơn khởi kiện bổ sung bà O tranh chấp quyền sử dụng đất với ông T là 8,2m² và tranh chấp quyền sử dụng đất với chị N1 là 2,2m² (BL 19) (Bà O không có nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm yêu cầu khởi kiện bổ sung). Tòa án sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện bổ sung của bà O ngày 03/4/2019 (BL 137).

Trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Lê Thị O được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2011 gồm 02 thửa là thửa 44, tờ bản đồ số 1, diện tích đất là 295,3m² và thửa 52, tờ bản đồ số 1, diện tích đất là 582,2m², ở Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (BL 11-13).

Ông Lê Hữu T được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2011 thửa 36, tờ bản đồ số 1, diện tích đất là 199,4m², ở Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Ngày 04/4/2017 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang đăng ký biến động thành thửa 110, diện tích còn lại 113,8m². Lý do biến động do tặng cho chị Lê Thị Phương N1 85,6m², thửa 111.

Chị Lê Thị Phương N1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS21168 ngày 30/3/2017, thửa 111, diện tích 85,6m², ở Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (BL 28-29).

[2] Qua xem xét về thủ tục trong hồ sơ vụ án ở cấp sơ thẩm, thì không có Biên bản hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị O với ông Lê Hữu T và chị Lê Thị Phương N1 của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trong hồ sơ vụ án chỉ có “Biên bản về việc hòa giải ranh đất” ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Tịnh, huyện C, tỉnh Tiền Giang giữa nguyên đơn là ông Lê Hữu T với bị đơn là bà Lê Thị O (BL 04- 05).

Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai, nhận thấy việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị O với ông Lê Hữu T và chị Lê Thị Phương N1, chưa được Ủy ban nhân dân cấp xã hòa giải, trước khi đương sự khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 và Điều 88 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Tòa án sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn ngày 03/4/2019, trong khi đương sự chưa nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung là chưa thực hiện nghĩa vụ của đương sự phải nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 25 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Mặt khác việc xác định tư cách của đương sự tham gia tố tụng trong vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Lê Thị Phương N1 là người bị bà Lê Thị O khởi kiện bổ sung trong vụ án, cấp sơ thẩm xác định chị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng với Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, cần xác định chị N1 phải là bị đơn trong vụ án theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét thấy án sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã vi phạm thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Do án sơ thẩm bị hủy nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy N.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Thúy N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 218/2020/DS-ST ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Hoàn lại ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị Thúy N mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004093

và 0004094 ngày 26/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, TG;
- CCTHADS huyện C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Hiếu